CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-BT/LVN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470 Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte Việt Nam đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

Số giấy chứng nhận: VN 18/00013. Ngày cấp: 03/03/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA HƯƠNG VANI

2. Thành phần:

Hỗn hợp socola sữa (52%) [(dầu hạt cọ Fully Hydrogenated, dầu hạt cọ, dầu cọ Fully Hydrogenated), đường, sữa bột nguyên kem, bột ca cao, ca cao mass, chất nhũ hóa (INS 322), hương vani tổng hợp], bột mì, bột mì tinh, shortening (dầu cọ, dầu đậu nành, chất nhũ hóa (INS322ii), chất chống oxy hóa (INS307b)), đường, đường nghịch đảo, bột ca cao, chiết xuất mạch nha, muối, chất tạo xốp (INS 500(ii)), hương vani tổng hợp, hương giống tự nhiên (vani, ca cao), chất nhũ hóa (INS 476), phẩm màu tổng hợp (INS 110).

**Thông tin lưu ý: sản phẩm có chứa ngũ cốc có gluten, sữa và đậu nành. Có thể chứa các loại hạt, trứng, động vật giáp xác và thủy sản.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

15 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem MFD và EXP trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Loại hộp 40g:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa nhiều lớp (PET12µ/DL/VMCPP 25µ) bên ngoài là hộp giấy.

Khối lượng tịnh: 40 g

LBH: 01
KH : QP-55-15

Loại túi 132g:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa nhiều lớp (PET12µ/DL/VMCPP 25µ) bên ngoài là túi nhựa.

Khối lượng tịnh: 132 g (11g x 12 gói)

4.2. Chất liệu bao bì:

Bao bì nhựa nhiều lớp (PET12µ/DL/VMCPP 25µ) chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Thái Lan
- Nhà sản xuất: Thai Lotte Co., Ltd
- Địa chỉ: 700/830 Moo6, Tambol Nongtamlung, Huyện Amphur Panthong, Tỉnh Chonburi 20160, Thái Lan
- Nhà máy Thái Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000. Số giấy chứng nhận: TH14/7582. Ngày cấp: 28/11/2016

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 21 tháng 05 năm 2019

TM. CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700232139 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM - TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

Tổng Giám Đốc
AKIHIRO YAMADA

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	**BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA**
Hương	**HƯƠNG VANI**
Loại bao bì	Hộp giấy
Khối lượng tịnh	40 g

M.S.D.N: 3700232139 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM - TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

Phê duyệt TGĐ	Phê duyệt GĐNM	Kiểm tra nội dung Phòng QC
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Hồ Thị Kim Ngân

LBH: 01
SH : QP-55-14

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	**BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA**
Hương	**HƯƠNG VANI**
Loại bao bì	TÚI
Khối lượng tịnh	132 g (11g x 12 gói)

Phê duyệt TGĐ	Phê duyệt GĐNM	Kiểm tra nội dung Phòng QC
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Hồ Thị Kim Ngân

KT3-07282ATP9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA HƯƠNG VANI (TOPPO VANILLA FLAVORED PRETZEL STICK WITH CHOCOLATE FILLING)**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 25/07/2019

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 26/07/2019 – 02/08/2019

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02&03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG * TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Độ ẩm, g/100 g *Moisture content*	QTTN/KT3 136 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205)-1986)	-	1,22
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $9,00 \times 10^{-2}$ *Less than*
7.4. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg *Total aflatoxin content*	AOAC 2016 (991.31)	0,10	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng melamin, µg/kg *Melamine content*	QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048 : 2012)	100	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg *Deoxynivalenol content*	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng zearalenone, µg/kg *Zearalenone content*	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	15	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ *Less than*
7.12. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ *Less than*
7.13. *E.Coli*, MPN/g	ISO16649 – 3 : 2015	-	0

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.14. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.15. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive bacillus cereus*	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.17. *Clostridium perfringens*, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

Ghi chú/*Notes*: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*